

NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP SO SÁNH VÀ CẤU TRÚC SONG SONG TRONG DẠY HỌC TỪ VỰNG TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Tổng Hưng Tâm

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Tóm tắt

Từ vựng tiếng Anh đóng vai trò quan trọng trong quá trình ứng dụng ngôn ngữ. Nghiên cứu phương pháp so sánh và cấu trúc song song trong dạy học từ vựng tiếng Anh cho sinh viên trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội được tiến hành trong thời gian 6 tháng với phương pháp phân tích tổng hợp đã liệt kê một số nội dung mà phương pháp so sánh và cấu trúc song song hiện nay đang được áp dụng như phương pháp so sánh mô hình Case, phương pháp so sánh từ đồng nghĩa và từ đồng nghĩa, phương pháp nhóm từ, cấu trúc từ đồng dạng và đồng nghĩa, so sánh từ đồng âm khác nghĩa,... Nghiên cứu đã khẳng định tính hiệu quả qua những phản hồi tích cực, khả năng nắm bắt và sử dụng từ vựng nhanh tạo động cơ học tập đối giúp sinh viên hào hứng học và thực hành ngôn ngữ trong và ngoài lớp học.

Từ khóa: Phương pháp so sánh; Cấu trúc song song; Từ vựng tiếng Anh

Abstract

The application of comparative method and parallel structure in teaching English vocabulary for students at Hanoi University of Natural Resources and Environment

English vocabulary plays an important role in the process of language application. The study of comparative method and parallel structure in teaching English vocabulary for students of Hanoi University of Natural Resources and Environment was conducted in 6 months with the method of synthetic analysis which listed a the number of contents for which the comparative method and the parallel structure are being applied, such as Case model comparison method, method of comparing synonyms and synonyms, the method of grouping words, the word structure is similar and synonym, compare homonyms with different meanings,... The research has confirmed the effectiveness through positive feedback, the ability to grasp and use fast vocabulary creates a learning motivation for students to be excited to learn and practice the language inside and outside the classroom.

Keywords: Comparative method; Parellel structure; English Vocabulary

1. Giới thiệu

Khi tiếng Anh (TA) trở thành ngôn ngữ toàn cầu, việc học TA ngày càng trở nên quan trọng hơn, không chỉ với những cử nhân đang tìm kiếm việc làm mà với chính những sinh viên (SV) đang còn ngồi trên ghế nhà trường. Trong thời đại ngày nay, nội dung bài giảng của các

thầy cô (giảng viên - GV) không còn giới hạn trong những cuốn sách được xuất bản cách đây mười, thậm chí hai mươi năm nữa. Ngược lại, nội dung đó được lấy từ chính dòng chảy thời sự, từ những tin tức trong và ngoài nước. Để theo kịp sự thay đổi của thế giới bên ngoài trường học, SV luôn được thầy cô khuyến khích đọc thêm các tài liệu và rất nhiều trong số đó được

Nghiên cứu

viết bằng TA. Nắm được lượng từ vựng TA cơ bản và sử dụng TA thành thạo sẽ giúp SV tiếp thu các môn học khác một cách nhanh chóng và hiệu quả hơn.

Tại các cơ sở giáo dục Đại học, làm thế nào để SV có thể học một cách chủ động và sử dụng từ vựng một cách thành thạo đang là vấn đề nhận được sự quan tâm của GV và SV. Học TA không đơn thuần chỉ là học một ngôn ngữ, mà còn phải sử dụng ngôn ngữ đó để tìm hiểu về đất nước, con người và các nền văn hóa khác nhau trên thế giới, phục vụ cho công việc và trong giao tiếp trong thời đại toàn cầu hóa. Muốn sử dụng thành thạo một ngôn ngữ thì SV phải rèn luyện các kỹ năng cơ bản: Nghe, Nói, Đọc, Viết và đặc biệt luôn phải tăng vốn từ vựng TA. Từ vựng giữ vai trò quyết định và không thể tách rời đối với các kỹ năng thực hành tiếng. Nâng cao vốn từ vựng rất cần thiết đối với quá trình tiếp thu ngôn ngữ. Ở mỗi giai đoạn khác nhau, GV có thể khuyến khích SV tập trung vào từ vựng, ngữ pháp hay dấu chấm câu và các vấn đề chính tả khi thực hành viết. Các tài liệu học từ vựng cũng có thể được dùng để minh họa cho cách thành lập câu, đoạn hay cả một bài văn. Từ đó SV có thể tự viết nên những bài văn tốt nhất dựa trên các văn bản mẫu cơ bản. Ngoài ra, các tài liệu đọc hiểu có chọn lọc cũng góp phần nâng cao vốn từ vựng chuyên ngành và đem đến những chủ đề hay, tạo hứng thú cho SV tìm tòi, thảo luận và phát triển khả năng nghe - nói của mình (Fries, C., 1963) [10].

Tác giả Robert, F. (2016) [5] tiến hành với hai lớp ngôn ngữ tại trường Đại học Cambridge, Vương quốc Anh, tác giả đã tiến hành nghiên cứu trường hợp về ngữ pháp so sánh đương đại, minh họa các cách thức phong phú và đa dạng với các SV đến từ các nước nói tiếng Nga, trong đó các nguyên tắc và khung tham số

của ngữ pháp tổng quát có thể giải thích cho cả các tính chất phổ biến cơ bản của ngôn ngữ thế giới và các cách thức tiếp cận, giải thích và minh họa sử dụng các nguyên tắc và thông số đối với ngữ pháp so sánh. Tác giả khẳng định cách tiếp cận với sự thống nhất cơ bản của tất cả các ngôn ngữ, sự tương tác giữa giao diện ngữ nghĩa cú pháp/ từ vựng và lý thuyết về ngữ pháp; vai trò của cấu trúc cụm từ hoặc biến thể cú pháp; biến đổi chéo trong hiện tượng trật tự từ; và những cách mà nghiên cứu về ngữ pháp so sánh có thể tự đóng góp cho sự hiểu biết về ngữ pháp cơ bản giúp người học dễ dàng sử dụng và nắm được nguyên tắc cơ bản khi học ngôn ngữ thứ hai (Second language - SL) hoặc ngoại ngữ (Foreign language - FL) dựa trên kiến thức ngôn ngữ mẹ đẻ (Mother language - ML).

Trong nghiên cứu của tác giả (Usa, P., 2018) [8] đã tiến hành điều tra về việc ứng dụng cấu trúc song song trong lớp học TA cho SV ngôn ngữ của trường Đại học trong hai học kỳ liên tiếp. Với cơ sở dạy TA bằng sự so sánh với tiếng Thái cơ bản, tác giả đã khẳng định: Sử dụng cấu trúc song song khi giảng dạy TA là một đặc điểm ngôn ngữ được triển khai có tính thẩm mỹ cho việc cung cấp ngôn ngữ TA. Các lớp học ngữ pháp và văn bản truyền thống được nhấn mạnh rằng sự song song phải được quan sát khi ngôn ngữ được sử dụng. Tuy nhiên, trong lớp học ngôn ngữ, cũng như trong sử dụng thực tế, cấu trúc song song thường được kết hợp giảng dạy về từ vựng, cụm từ, từ đề hỏi hay các trạng từ được lồng ghép trong các lớp học ngữ pháp.

Theo Aldo N. (2016) [1], trong ngôn ngữ học, phương pháp so sánh là một kỹ thuật nghiên cứu sự phát triển của ngôn ngữ bằng cách thực hiện so sánh từng đặc điểm của hai hoặc nhiều ngôn ngữ có

chung nguồn gốc về hình thái chữ viết, từ vựng hay ngữ pháp và sau đó ngoại suy ngược lại để suy ra các thuộc tính của những điểm chung đó. Aldo N cũng khẳng định sử dụng phương pháp so sánh trong dạy từ vựng có thể đối lập với phương pháp tái tạo bên trong, trong đó sự phát triển bên trong của một ngôn ngữ đơn lẻ được suy ra bằng việc phân tích các đặc điểm bên trong ngôn ngữ đó. Phương pháp so sánh được sử dụng trong dạy từ vựng để ôn tập lại từ vựng được sử dụng trong ngôn ngữ đã học và học từ mới một cách tự nhiên khi thực hành ngôn ngữ; để khám phá sự phát triển của các hệ thống ngữ âm, hình thái học và các hệ thống tạo từ khác và để xác nhận hoặc bác bỏ các mối quan hệ đã được giả định giữa các từ vựng có những mối liên hệ chung.

Mục đích của phương pháp so sánh trong dạy từ vựng là làm nổi bật và giải thích các tương ứng ngữ âm và ngữ nghĩa có hệ thống giữa hai hoặc nhiều từ vựng đã được chứng thực. Nếu những tương ứng đó không thể được giải thích một cách hợp lý do kết quả của sự tiếp xúc ngôn ngữ (vay mượn, ảnh hưởng, đồng nghĩa, đối nghĩa); và nếu chúng được trải rộng trên các khía cạnh ngôn ngữ (hình thái, ngữ âm, từ loại của từ) theo cách không thể coi chúng là đột biến ngẫu nhiên, thì phải giả định rằng chúng xuất phát từ một hình thái ngôn ngữ chung và giúp SV nắm bắt từ vựng nhanh và hiệu quả hơn.

Sử dụng cấu trúc song song trong dạy từ vựng nghĩa là ta dùng một loạt các thành phần ngữ pháp gi dụ nhau của từ vựng như một loạt danh từ, một loạt tính từ, một loạt to Verb, một loạt V-ing hay một loạt mệnh đề. Khi thông tin trong câu được đưa ra dưới dạng một danh sách liệt kê, thì tất cả các bộ phận trong danh sách đó phải tuân theo cấu trúc song song. Cấu trúc song song ứng dụng khi dạy từ vựng

là khai thác sự giống nhau về hình thức ngữ pháp đối với các yếu tố tương tự về nghĩa trong hai từ hoặc giữa các từ. Nếu hai hoặc nhiều từ vựng có biến thể song song, chúng sẽ được diễn đạt dưới dạng ngữ pháp song song trong câu như từ loại, phát âm hay ngữ nghĩa. Các từ đơn nên được cân bằng với từ đơn, cụm từ với cụm từ, mệnh đề với mệnh đề. Sau đó, một chuỗi các thay đổi hoặc đồng hóa trong ngữ âm, cách viết, tiền tố, hậu tố như các quy luật cơ bản của của từ vựng có thể được công nhận để giải thích sự tương ứng giữa các dạng đã được chứng thực, điều này cuối cùng cho phép nhận dạng từ mới bằng cách so sánh trong một khái quát hệ thống tạo từ. Với những nghiên cứu liên quan đến phương pháp so sánh và cấu trúc song song trên, kết quả của các nghiên cứu hiển nhiên và đã được ứng dụng cả vào giáo trình giảng dạy.

Trong nghiên cứu của William, G (2018) [9] tiến hành tại trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội với tiêu đề cơ sở nghiên cứu việc dạy đọc ngôn ngữ thứ hai, tác giả đã áp dụng phương pháp so sánh và cấu trúc song song giữa hai đoạn văn bản tiếng Việt và tiếng Anh để khai thác khả năng đọc hiểu hiệu quả cho SV năm thứ 4 chuyên ngành Ngôn ngữ Anh. Qua đó SV nắm được cấu trúc của ngôn ngữ thông qua từng đoạn văn cụ thể. Sự khác biệt và giống nhau trong cách hành văn giúp SV hiểu được nội dung văn bản và thực hành các yêu cầu của bài đọc nhanh và sát với yêu cầu hơn. Điều này khẳng định sự giống nhau của hình thức trong ngôn ngữ cho phép người đọc dễ dàng nhận ra sự giống nhau của nội dung và chức năng. Sự đa dạng trong ngữ liệu cũng như sự lặp lại của các cụm từ và cấu trúc câu giúp SV nắm bắt được ý chính của văn bản thông qua cách hành văn của tác giả.

Nghiên cứu

Trong nghiên cứu của mình, Tống Hưng Tâm (2014) [7] đã tiến hành nghiên cứu ứng dụng phương pháp so sánh và cấu trúc song song trong dạy từ vựng, dạy ngữ pháp và các bài đọc hiểu TA trong các lớp TA là Ngoại ngữ. Kết quả nghiên cứu đã mở ra hướng dạy học tìm ra những điểm chung của ngôn ngữ và hướng người học vào việc tự nhận ra sự giống nhau, sự khác biệt trong sử dụng ngôn ngữ để việc học từ vựng, ngữ pháp cũng như nắm được nội dung bài đọc hiểu để hoàn thành các nhiệm vụ học tập có kết quả tốt hơn.

Trong ngôn ngữ học, sử dụng phương pháp so sánh và cấu trúc song song trong giảng dạy tiếng Anh là một kỹ thuật giúp SV ứng dụng sự thông hiểu của các ngôn ngữ bằng cách thực hiện so sánh từng tính năng của hai hoặc nhiều ngôn ngữ có nguồn gốc chung từ một hình thái chung và sau đó ngoại suy ngược để suy ra các thuộc tính của ngôn ngữ cần học. Phương pháp so sánh có thể tương phản với phương pháp tái cấu trúc nội suy trong đó sự phát triển bên trong của một ngôn ngữ được suy ra bằng cách phân tích các tính năng trong ngôn ngữ đó dựa trên ngôn ngữ mẹ đẻ. Thông thường, cả hai phương pháp được sử dụng cùng nhau để tái cấu trúc các giai đoạn sử dụng của ngôn ngữ từ khi bắt đầu học đến học nâng cao và chuyên sâu. Để nắm bắt những nội dung cơ bản của một ngôn ngữ cần học; để khám phá sự phát triển của các hệ thống âm vị học, hình thái và ngôn ngữ khác và để xác nhận hoặc bác bỏ các mối quan hệ giả định giữa các ngôn ngữ.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp là điều không thể thiếu để trở thành một công dân toàn cầu. Ngày 30/6/2020, Hiệp định Thương mại tự do và Hiệp định Bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam - Châu Âu (EVFTA và IPA) chính thức được ký kết tại Hà Nội

sau hành trình 9 năm đàm phán. Việc đàm phán thành công Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu chỉ là bước khởi đầu. Về mặt chiến lược, việc đàm phán và thực thi các Hiệp định này cũng gửi đi một thông điệp tích cực về quyết tâm của Việt Nam trong việc thúc đẩy sự hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị đang có nhiều diễn biến phức tạp và khó đoán định. Cơ hội giao thương giữa Việt Nam và Châu Âu đang mở ra. Việc chiếm lĩnh tri thức và làm chủ công nghệ cũng như có những vị trí cao trong bản đồ tri thức thế giới là thách thức không nhỏ đối với SV Việt Nam. Sử dụng TA thành thạo chính là một trong những yếu tố quan trọng trong chìa khóa mở cánh cửa cho Việt Nam hội nhập và phát triển.

Không ai có thể phủ nhận rằng TA là ngôn ngữ giao tiếp toàn cầu vì vị thế của TA trong các văn bản chính thức, trên các diễn đàn thế giới hay tại các đàm phán, thỏa thuận liên quốc gia, trong khu vực hay các vấn đề liên lục địa. TA đã khẳng định vai trò và tầm quan trọng của ngôn ngữ trong đời sống chính trị, xã hội cũng như trong môi trường học thuật. Đề cập đến việc nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ nói chung và TA nói riêng, nhiều nghiên cứu đã và đang được tiến hành để khai thác các nhân tố tích cực trong quá trình đổi mới phương pháp giảng dạy và nhận được sự quan tâm của cả người dạy (GV) và người học (SV) để tìm ra các thủ thuật và phương pháp tích cực nhằm đạt được mục tiêu dạy và học môn TA một cách hiệu quả hơn. Nhiều thủ thuật, phương pháp đã ứng dụng vào quá trình dạy và học. Tuy nhiên, để lựa chọn các thủ thuật phù hợp và tích cực nào để dạy và nâng cao vốn từ vựng cho SV trường Đại học Tài nguyên và Môi

trường Hà Nội (ĐH TN&MT HN) cần có một nghiên cứu cụ thể. Nghiên cứu này được tiến hành với 76 SV trong 2 lớp TA3 năm học 2019 - 2020, giai đoạn SV đã kết thúc tiếng Anh 1 (TA1) và tiếng Anh 2 (TA2) năm thứ nhất để thực hiện ứng dụng phương pháp so sánh và cấu trúc song song trong dạy từ vựng TA hiệu quả.

Ứng dụng các phương pháp khác nhau trong giảng dạy từ vựng TA là một trong những vấn đề được các nhà ngôn ngữ học, các nhà khoa học nghiên cứu về ngôn ngữ và phương pháp giảng dạy, các GV, SV không chỉ ở Việt Nam mà còn ở nhiều nước trên thế giới quan tâm. Với từng địa điểm nghiên cứu, từng đối tượng nghiên cứu, từng yêu cầu và khả năng ngôn ngữ mà cần có những bước thực hiện và phương pháp nghiên cứu phù hợp để đạt được kết quả khách quan và tốt nhất. Với SV trường ĐH TN&MT HN, TA cơ bản được giảng dạy như một môn học bắt buộc trong chương trình giảng dạy. Đề cương chi tiết môn học chỉ ra định hướng đào tạo đó là tập trung phát triển đồng thời các kỹ năng cho SV, kỹ năng đọc được đề cập không chỉ với TA cơ bản mà với tất cả TA chuyên ngành trong nhà trường, hướng tới đạt chuẩn đầu ra theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT).

Trong thời gian qua, việc giảng dạy TA đã có những cải thiện đáng kể về chất lượng. Đội ngũ GV đã nỗ lực nâng cao trình độ về bằng cấp và phương pháp giảng dạy để đáp ứng yêu cầu nâng cao khả năng sử dụng TA cho SV, đặc biệt là khả năng học từ vựng, trong đó, ứng dụng các phương pháp dạy từ vựng là một trong những nội dung được chú trọng. Những phương pháp giảng dạy được kết hợp, những nhiệm vụ học tập và đa dạng các dạng bài tập được thiết kế để giúp SV trau dồi kiến thức và thực hành TA một cách trôi chảy tự tin. Có một số nghiên

cứ giúp phát triển và nâng cao vốn từ vựng cho SV có được kết quả khả quan đã được ứng dụng trong giảng dạy để đạt được mục tiêu môn học đề ra. Tuy nhiên việc ứng dụng phương pháp so sánh và cấu trúc song song trong dạy từ vựng TA cơ bản cho SV vẫn chưa được đề cập đến. Vì vậy nghiên cứu này tập trung vào nội dung nghiên cứu ứng dụng phương pháp so sánh và cấu trúc song song trong dạy từ vựng TA cơ bản cho SV trường ĐH TN&MT HN nhằm tìm ra những phương thức giúp nâng cao khả năng làm giàu vốn từ vựng, khai thác tài liệu chuyên ngành cho SV trong và sau khi ra trường.

Với đặc thù là trường kỹ thuật, khả năng tiếp cận và làm giàu vốn từ vựng TA nói chung không đồng đều do SV đến từ nhiều vùng miền khác nhau. Để nâng cao khả năng học từ vựng, việc ứng dụng các thủ thuật học phù hợp và linh hoạt hỗ trợ khá lớn trong quá trình dạy, học và thực hành ngôn ngữ. Điều đó không chỉ giúp cho SV tổng hợp kiến thức nhanh, có dự đoán và ứng dụng thực hành ngôn ngữ trong các tình huống cụ thể một cách phù hợp và đạt kết quả khai thác nội dung bài học cao. Tác giả nhận thấy cần có một nghiên cứu cụ thể để xác định vai trò và tính ứng dụng của phương pháp so sánh và cấu trúc song song trong dạy từ vựng sẽ giúp hỗ trợ SV học và thực hành tiếng tốt hơn. Những phát hiện trong quá trình nghiên cứu sẽ mang lại những kết quả phục vụ cho quá trình dạy và học TA hiệu quả hơn.

Nghiên cứu thu thập thông tin và dữ liệu để trả lời cho câu hỏi: i) Thế nào là phương pháp so sánh và cấu trúc song song trong dạy và học từ vựng TA?. ii) Phương pháp so sánh và cấu trúc song song trong dạy và học từ vựng TA có hiệu quả như thế nào cho sinh viên trường ĐH TN&MT HN?

2. Phương pháp nghiên cứu

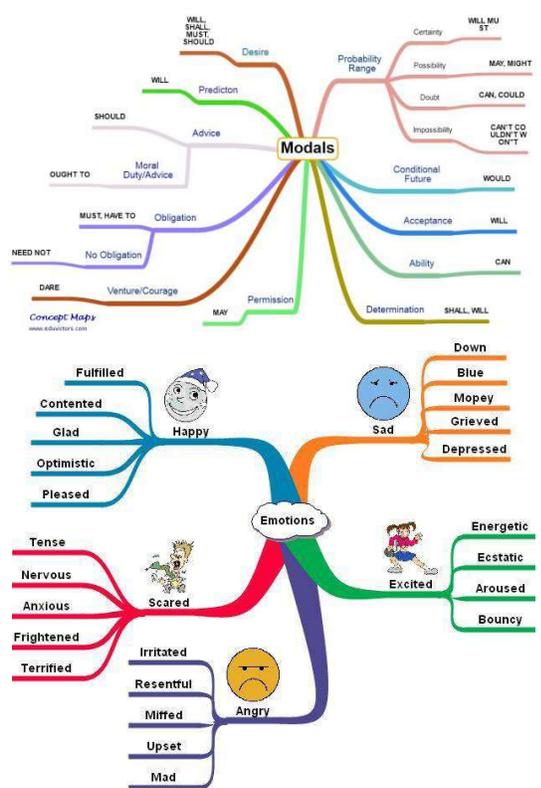
Nghiên cứu này được thiết kế như một nghiên cứu khảo sát có những yếu tố sơ khai của một yếu tố thực nghiệm với sự kết hợp của hai đường hướng: Định tính và định lượng theo phương pháp phân tích tổng hợp quá trình quan sát dự giờ, thu thập và phân tích số liệu từ những thực nghiệm như tiến hành khảo sát điều tra, phỏng vấn trước và sau khi học. Dữ liệu thu thập phục vụ cho quá trình phân tích đánh giá tổng hợp sẽ đưa ra những kết quả khách quan trong phạm vi cho phép. Nghiên cứu áp dụng phương pháp định tính để xác định phản hồi của SV có thay đổi trước và sau khi áp dụng phương pháp so sánh và cấu trúc song song trong dạy từ vựng TA; phương pháp định lượng khi phỏng vấn được áp dụng để đánh giá chất lượng thực trong việc phát triển sử dụng TA cả trong và ngoài lớp học. Nghiên cứu với những kết quả khách quan sẽ phục vụ cho công tác giảng dạy TA cơ bản 1, 2 và 3 cũng như TA chuyên ngành đạt kết quả tốt hơn. Những phản hồi trong quá trình nghiên cứu giúp cho GV lựa chọn những thủ thuật giảng dạy phù hợp, SV có động lực học và thực hành tiếng một cách tích cực hơn.

3. Kết quả và thảo luận

Vốn từ vựng phong phú là yếu tố quan trọng trong xu hướng sử dụng và phát triển trong dạy và học ngoại ngữ nói chung và TA nói riêng. Đối với SV năm thứ hai ở trường ĐH TN&MT HN, môn TA cơ bản được giảng dạy như là một môn học bắt buộc. Đề cương chi tiết môn học chỉ ra định hướng đào tạo đó là tập trung phát triển đồng đều các kỹ năng cho SV, đặc biệt là kỹ năng đọc hiểu để làm bước đệm cho việc dạy TA chuyên ngành, hướng tới đạt chuẩn đầu ra theo quy định của Bộ GD & ĐT. Đặc biệt, dạy từ vựng

là một trong những yêu cầu thiết yếu khi thực hành 4 kỹ năng bắt buộc trong kỳ thi chuẩn đầu ra tốt nghiệp cho SV không chuyên TA ở mức B1 theo khung tham chiếu châu Âu CEFR (Common European Framework of Reference for Languages: Learning, Teaching, Assessment) đối với SV trường ĐH TN&MT HN.

Trong quá trình giảng dạy, nhóm động từ khuyết thiếu được dạy theo mô hình Case (một dạng của mô hình Mindmap) và SV tự rút ra cách dùng khi so sánh các động từ khuyết thiếu trong câu. Khi được hỏi “Các em đã bao giờ học theo mô hình Case chưa?”, nhiều SV chưa hiểu về khái niệm ngôn ngữ học nên phủ nhận.



Hình 1: Động từ khuyết thiếu và tính từ chỉ cảm xúc theo mô hình Case

Khi được giới thiệu mô hình để học và thực hành, SV nhận ra sự giống nhau của các động từ khuyết thiếu là cần thêm một động từ nguyên thể để chuyển tải nghĩa. Cách sử dụng động từ khuyết thiếu

trong các cấu trúc câu và nghĩa của từng từ trong từng ngữ cảnh. Với phương pháp so sánh này, cả GV và SV đều tiết kiệm thời gian học từ và được thực hành nhiều hơn giúp khắc sâu kiến thức hơn.

add /æd/ cộng	×	subtract /səb'trækt/ trừ
admit /əd'mɪt/ thú nhận	×	deny /dɪ'naɪ/ phủ nhận
agree /ə'grɪ/ đồng tình	×	argue /'ɑ:ɡju/ tranh cãi
allow /ə'laʊ/ cho phép	×	forbid /fɔ'brɪd/ cấm
arrest /ə'rest/ bắt giữ	×	free /fri/ thả tự do

50 CẶP TÍNH TỪ TRÁI NGHĨA

- | | | |
|--------------------------------------|----|-----------------------------|
| 1. long /lɒŋ/: dài | >> | short /ʃɔ:t/: ngắn |
| 2. soft /sɒft/: mềm | >> | hard /hɑ:d/: cứng |
| 3. empty /'empti/: trống | >> | full /fʊl/: đầy |
| 4. narrow /'nærəʊ/: hẹp | >> | wide /waɪd/: rộng |
| 5. heavy /'hevi/: nặng | >> | light /laɪt/: nhẹ |
| 6. hot /hɒt/: nóng | >> | cold /kɔ:ld/: lạnh |
| 7. sour /saʊə/: chua | >> | sweet /swi:t/: ngọt |
| 8. big /bɪg/: to | >> | small /smɔ:l/: nhỏ |
| 9. tall /tɔ:l/: cao | >> | short /ʃɔ:t/: thấp |
| 10. thin /θɪn/: mỏng | >> | thick /θɪk/: dày |
| 11. wet /wet/: ướt | >> | dry /draɪ/: khô |
| 12. dirty /'dɜ:ti/: bẩn | >> | clean /kli:n/: sạch |
| 13. new /nju:/: mới | >> | old /əʊld/: cũ |
| 14. beautiful /'bjʊ:tɪfʊl/: xinh đẹp | >> | ugly /'ʌɡli/: xấu xí |
| 15. easy /i:zi/: dễ | >> | difficult /'dɪfɪkəlt/: khó |
| 16. cheap /tʃi:p/: rẻ | >> | expensive /ɪks'pensɪv/: đắt |
| 17. deep /di:p/: sâu | >> | shallow /'ʃæləʊ/: nông, cạn |

Hình 2: So sánh nhóm từ cùng loại

Đại từ nhân xưng chủ ngữ	Đại từ nhân xưng tân ngữ	Đại từ phản thân	Đại từ sở hữu	Tính từ sở hữu
I (tôi)	me (tôi)	myself (bản thân tôi)	mine (cái của tôi)	my (của tôi)
you (bạn)	you (bạn)	yourself (bản thân bạn)	yours (cái của bạn)	your (của bạn)
he (anh ấy)	him (anh ấy)	himself (bản thân anh ấy)	his (cái của anh ấy)	his (của anh ấy)
she (cô ấy)	her (cô ấy)	herself (bản thân cô ấy)	hers (cái của cô ấy)	her (của cô ấy)
it (nó)	it (nó)	itself (bản thân nó)	(không có)	its (của nó)
we (chúng tôi, chúng ta)	us (chúng tôi, chúng ta)	ourselves (bản thân chúng tôi, bản thân chúng ta)	ours (cái của chúng tôi, cái của chúng ta)	our (của chúng tôi, của chúng ta)
you (các bạn)	you (các bạn)	yourselves (bản thân các bạn)	yours (cái của các bạn)	your (của các bạn)
they (chúng)	them (chúng)	themselves (bản thân chúng)	theirs (cái của chúng)	their (của chúng)

Hình 3: Sự tương ứng của Đại từ nhân xưng

CÁC TỪ ĐỒNG NGHĨA TRONG TIẾNG ANH

Among.....Bother	Angry.....Mad	Brave.....Courageous	Father.....Dad
Cold.....Chilly	Allow.....Permit	Keep.....Hold	Mother.....Mom
Trade.....Business	Evaluate.....Assess	Crash.....Accident	Extra.....Additional
Assist.....Help	Uncommon.....Unusual	Thankful.....Grateful	Destiny.....Fate
Road.....Highway	Former.....Previous	Yearly.....Annually	Danger.....Risk
Odd.....Weird	Bully.....Stomach	Suggest.....Propose	Freedom.....Liberty
Try.....Attempt	Woman.....Lady	Think.....Consider	Funny.....Entertaining
Shoot.....Kill	Accurate.....Precise	Win.....Victory	Gentle.....Tender
Like.....Enjoy	Diminish.....Decrease	Lucky.....Fortunate	Glad.....Delighted
Assure.....Guarantee	Behave.....Act	Nearly.....Almost	Infant.....Baby
Bargain.....Deal	Fall.....Drop	Particular.....Specific	Job.....Occupation
Below.....Under	False.....Untrue	Perform.....Carry out	Last.....Final
Blank.....Empty	Fantastic.....Great	Receive.....Get	Learn.....Study
Always.....Always	Find.....Discover	Rescue.....Save	Sure.....Certain
Connect.....Join	Fix.....Repair	Split.....Divide	Temper(UK).....Mood
Respond.....Reply	Forbid.....Prohibit	Winner.....Victor	Unmarried.....Single
Respect.....Honor	Score.....Defeat		

Hình 4: Sự tương ứng của các từ đồng nghĩa

Khi giới thiệu nhóm động từ đối nghĩa, GV dạy SV cách phát âm từ nhưng chỉ cho nghĩa một từ, SV phải tự luận ra nghĩa của từ đối lập theo ví dụ. Việc này giúp SV học các cụm từ đối lập nhanh hơn và biết cách dùng từ vì cùng từ loại sẽ giúp SV có thể viết câu và nghe hiểu tốt hơn. Nhiều SV hào hứng chia sẻ “Học một từ mà được hai từ, vì cùng từ loại nên việc đặt câu cũng dễ dàng hơn”.

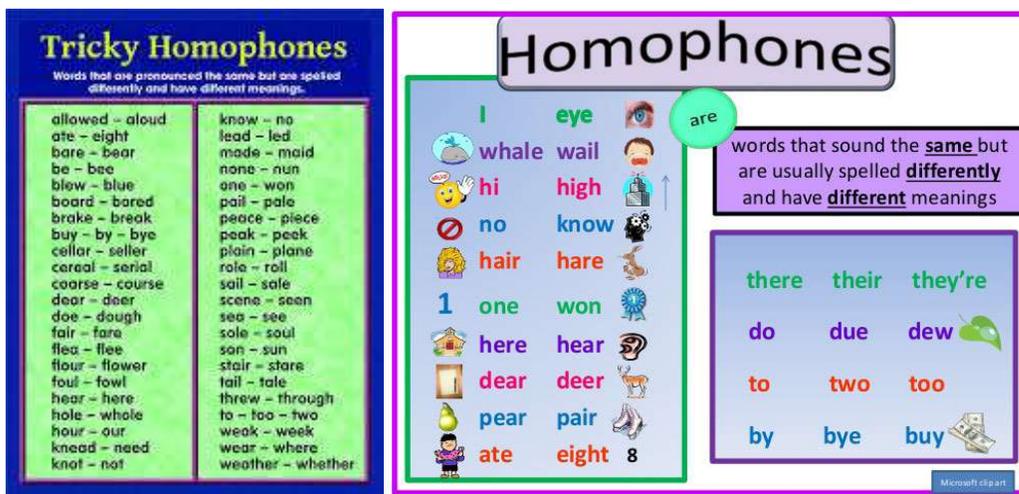
Khi ôn tập cách sử dụng đại từ trong câu và các đại từ khác nhau phái sinh từ đại từ nhân xưng, SV lựa chọn được đại từ phản thân hay đại từ sở hữu tương ứng khi nhìn vào bảng đại từ nhân xưng. Cấu trúc từ song song với đại từ nhân xưng rõ ràng và súc tích. GV đã phản hồi “Việc lập bảng biểu để so sánh và nhận ra các từ cùng họ giúp việc luyện tập hiệu quả và kiến thức được khắc sâu. Việc nhận ra từ phát âm giống nhau nhưng từ khác nhau (Từ đồng âm) giúp SV nhận dạng từ tốt hơn khi luyện kỹ năng nghe. SV cũng dễ dàng nhận ra các cụm từ đồng nghĩa để có thể sử dụng đa dạng hơn.

Từ vựng trong TA có đặc thù phát âm khác biệt nên việc nhận ra các cụm từ đồng âm khác nghĩa giúp SV tăng vốn từ vựng và nhận ra cách sử dụng khác nhau trong ngữ cảnh. GV có thể dạy lượng từ vựng gấp đôi nhưng chỉ với 1 dạng phát âm và nắm được nghĩa của từ một cách rõ ràng, dễ hiểu.

Nghiên cứu



Hình 5: Cấu trúc song song của nhóm từ đồng âm khác nghĩa



Hình 6: Cấu trúc song song của nhóm từ đồng âm khác nghĩa

Chiều hướng đi lên		Chiều hướng đi xuống	
Danh từ	Động từ	Danh từ	Động từ
- An increase of	- Increase	- A decrease of	- Decrease
- A climb of	- Climb	- A fall of	- Fall
- A growth of	- Go up	- A decline of	- Drop
- A rise of	- Rise	- A drop of	- Go down
- An upward trend	- Grow	- A reduction	- Slump
- A doubling in + N	- Double	- A slump	- Plunge
- A trebling in + N	- Treble	- A plunge	- Plummet
- A boom	- Boom	- A plummet	- Dive
- A surge	- Surge		- Deteriorate
	- Soar		- Dip
	- Rocket		

Hình 7: Các cấu trúc đồng nghĩa song song

Cấp độ	Tính từ	Trạng từ
Thay đổi nhanh	- Dramatic - Significant - Remarkable - Considerable - Rapid - Sharp - Steep	- Dramatically - Significantly - Remarkably - Considerably - Rapidly - Sharply - Steeply
Thay đổi vừa phải	- Noticeable - Moderate - Marked	- Noticeably - Moderately - Markedly
Thay đổi chậm	- Steady - Gradual - Slight - Small - Minimal	- Steadily - Gradually - Slightly - Smallly - Minimally

Hình 8: Các cấu trúc đồng nghĩa song song

Khi hướng dẫn SV viết bài mô tả mô hình dao động, GV đã cung cấp từ vựng theo Hình 4 SV vừa học về từ loại vừa học các cụm từ có chung ngữ nghĩa. Sau khi nắm bắt nội dung bài học, SV đã chia sẻ “Thực sự rất hữu ích, vì chúng em được học rất nhiều từ, cụm từ mà đồng nghĩa hoặc đối nghĩa. Điều này giúp chúng em có thêm vốn từ viết đa dạng và có văn phong rõ ràng hơn”.

Bảng 1. Khảo sát tính ứng dụng của phương pháp so sánh và cấu trúc song song trong dạy và học từ vựng tiếng Anh

Câu hỏi khảo sát	Hoàn toàn đồng ý		Đồng ý		Không đồng ý		Hoàn toàn không đồng ý	
	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
Học từ mới theo phương pháp mới thú vị nhưng cần kiên trì	20	26,3	38	50,0	12	15,8	6	7,9
Có thể học nhiều từ cùng một lúc	12	15,8	46	70,6	10	13,1	8	10,5
Học từ dễ dàng hơn và không tốn thời gian	20	26,3	30	39,5	21	27,6	5	6,6
Học từ theo phương pháp mới không cần ôn tập	10	13,1	16	34,3	30	39,5	10	13,1
Học từ mới trong ngữ cảnh có tính ứng dụng cao	15	19,7	45	69,3	16	21,0	0	0
Phương pháp so sánh và cấu trúc song song chỉ học từ vựng hiệu quả	8	10,5	18	23,7	40	52,7	10	13,1

Mặc dù đa số nhận thấy phương pháp so sánh và cấu trúc song song giúp việc học từ vựng dễ dàng, thú vị hơn và có thể học được nhiều từ hơn cùng một lúc. Tuy nhiên đa số đã khẳng định nếu cần nắm chắc và sử dụng tốt thì cần phải ôn tập và học trong ngữ cảnh để mang tính ứng dụng cao. Nhiều SV đã áp dụng việc học

và làm bài tập nên cho là sử dụng phương pháp so sánh và cấu trúc song song không chỉ học từ vựng hiệu quả mà còn có thể học các kỹ năng khác.

4. Kết luận và đề xuất

Các phương pháp so sánh và cấu trúc song song trong dạy từ vựng tiếng Anh

Nghiên cứu

đang được áp dụng hiện nay là Phương pháp so sánh mô hình Case; Phương pháp so sánh từ đối nghĩa và từ đồng nghĩa; Phương pháp nhóm từ; Cấu trúc từ đồng dạng và đồng nghĩa; Sự tương ứng của từ vựng trong câu; So sánh từ đồng âm khác nghĩa; So sánh hình thức chữ viết và ngữ nghĩa; So sánh hệ thống (tiền tố, hậu tố); Cấu trúc ngữ nghĩa và hình thức chữ viết song song (Adj + Ly → Adv); So sánh các biến thể của từ (V+ion → N); Cấu trúc từ ghép (Adj+PII: Well-done).

Thông qua những phản hồi tích cực, khả năng nắm bắt và sử dụng từ vựng nhanh đối với quá trình học và thực hành ngôn ngữ, phương pháp so sánh và cấu trúc song song trong dạy và học từ vựng TA giúp SV hào hứng học. Động cơ học tập được nâng cao rõ rệt, SV tích cực tham gia vào các hoạt động học tập và thực hành ngôn ngữ trong và ngoài lớp học.

Ứng dụng phương pháp so sánh và cấu trúc song song trong dạy và học từ vựng TA giúp GV và SV tiết kiệm thời gian, sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy và học, giúp đạt được mục tiêu đề ra. SV nắm bắt lượng từ vựng tốt hơn để thực hành hiệu quả hơn.

Bên cạnh những phản hồi tích cực, việc thực hiện phương pháp so sánh và cấu trúc song song trong giảng dạy TA nói chung và từ vựng TA nói riêng cần được thực hiện liên tục, thường xuyên để khắc sâu và giúp SV củng cố lượng từ vựng trong quá trình thực hành tiếng hiệu quả và trải nghiệm trong môi trường thực tế. Để đánh giá một cách khách quan chính xác hơn, cần có thêm những nghiên cứu chuyên sâu về sử dụng hiện phương pháp so sánh và cấu trúc song song trong giảng dạy, trong giảng dạy ngữ pháp và các kỹ năng trong môi trường sư phạm thực tế, giúp cho việc ứng dụng các phương pháp một cách đa dạng và hữu ích hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Aldo N. (2016). *The Comparative Method and the Study of Literature*. Inida: Purdue University Press.

[2]. Charler C. (2014). *The Comparative Method: Moving Beyond Qualitative and Quantitative Strategies*. USA: University of California Press.

[3]. Craig L. (2014). *Parallel Method*. USA: ACM Transactions on Mathematical Software Publisher.

[4]. David C. (1993). *The Comparative Method*. USA: University of California Press.

[5]. Robert, F. (2016). *Principles and parameters in comparative grammar*. Cambridge, MA: MIT Press, Pp. xii + 463.

[6]. Selim G. (1996). *Parallel Computation: Models and Methods*. Prentice Hall Publisher. USA.

[7]. Tống Hưng Tâm (2014). *Sử dụng Phương pháp so sánh và cấu trúc song song trong dạy và học tiếng Anh*. Tạp chí Giáo dục Thủ đô, số 52. Kỳ 1.

[8]. Usa Padgate (2018). *An Investigation of the Marked Parallel Structure in Alice Munro's Amundse*. Advances in Language and Literary Studies. ISSN: 2203 - 4714, www.all.s.aiaac.org.au.

[9]. William, G. (2018). *Cơ sở để nghiên cứu việc dạy đọc ngôn ngữ thứ hai*. Kỷ yếu Hội thảo Đại học Quốc gia. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia.

[10]. Fries, C., (1963). *Linguistics and Reading*. New York: Holt, Rinehart & Winston.

BBT nhận bài: 14/8/2020; Phản biện xong: 17/8/2020; Chấp nhận đăng: 09/11/2020